



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÝ I/2014**

THÁNG 4/2014



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613

Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ

TẠI NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2014

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN I	Mã số 2	Thuyết minh 3	31/3/2014	1/1/2014
			4	4
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		840 897 264 406	201 097 764 521
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		709 349 036 591	60 290 195 658
1. Tiền	111	V.01	4 577 370 734	20 840 195 658
2. Các khoản tương đương tiền	112		704 771 665 857	39 450 000 000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02		
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		120 113 458 358	128 592 415 445
1. Phải thu khách hàng	131		3 136 846 269	28 948 343
2. Trả trước cho người bán	132		17 908 782 756	5 175 741 768
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	99 067 829 333	123 387 725 334
IV. Hàng tồn kho	140		434 026 104	435 117 672
1. Hàng tồn kho	141	V.04	434 026 104	435 117 672
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11 000 743 353	11 780 035 746
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		672 384 166	903 797 727
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		161 282 400	630 173 431
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	10 040 215 129	10 105 399 073
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		126 861 658	140 665 515
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8 263 567 410 980	8 197 853 334 631
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		448 979 590 000	448 979 590 000
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	448 979 590 000	448 979 590 000
II. Tài sản cố định	220		42 139 539 687	42 937 554 013
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	9 467 555 620	10 740 750 233
- Nguyên giá	222		36 943 558 164	36 979 620 259
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		- 27 476 002 544	- 26 238 870 026
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	29 623 696 562	29 776 633 682
- Nguyên giá	228		31 110 496 640	31 110 496 640
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		- 1 486 800 078	- 1 333 862 958
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	3 048 287 505	2 420 170 098
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	231 777 589 084	235 017 927 286
- Nguyên giá	241		259 227 056 200	259 227 056 200
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		- 27 449 467 116	- 24 209 128 914
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7 538 698 437 533	7 468 698 437 533
1. Đầu tư vào công ty con	251		7 490 768 437 533	7 460 768 437 533
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		7 230 000 000	7 230 000 000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	40 700 000 000	700 000 000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1 972 254 676	2 219 825 799
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1 968 254 676	2 215 825 799
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268		4 000 000	4 000 000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN(270=100+200)	270		9 104 464 675 386	8 398 951 099 152



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

NGUỒN VỐN		31/3/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	535 928 585 762	581 248 111 090
I. Nợ ngắn hạn	310	86 948 995 762	132 268 521 090
1. Vay và nợ ngắn hạn	311 V.15		100 000 000 000
2. Phải trả người bán	312	1 355 748 263	1 289 577 635
3. Người mua trả tiền trước	313		
4. Doanh thu chưa thực hiện			
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314 V.16	95 631 803	62 793 357
6. Phải trả người lao động	315	530 247 000	891 695 000
7. Chi phí phải trả	316 V.17		
8. Phải trả nội bộ	317		
9. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		
10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319 V.18	9 976 913 669	3 276 824 458
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	74 990 455 027	26 747 630 640
II. Nợ dài hạn	330	448 979 590 000	448 979 590 000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332 V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333	448 979 590 000	448 979 590 000
4. Vay và nợ dài hạn	334 V.20		
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335 V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400= 410+430)	400	8 568 536 089 624	7 817 702 988 062
I. Vốn chủ sở hữu	410 V.22	8 568 536 089 624	7 817 702 988 062
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4 190 525 330 000	4 190 525 330 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	2 207 350 817 068	2 207 350 817 068
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		
4. Cổ phiếu quỹ	414		
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	151 441 755 750	151 441 755 750
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	2 019 218 186 806	1 268 385 085 244
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	9 104 464 675 386	8 398 951 099 152

Người lập biểu

Hoàng Thị Thanh Hương

Kế toán trưởng

Lý Thị Ngạn



Lập ngày 18 tháng 4 năm 2014

Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Tuấn Dương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ 1/ 2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2014	Quý 1/2013	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2014	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2013
			4	5	6	7
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch	01	VI.25	8 043 240 000	8 018 160 000	8 043 240 000	8 018 160 000
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26				
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		8 043 240 000	8 018 160 000	8 043 240 000	8 018 160 000
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.27	3 240 338 202	3 240 338 202	3 240 338 202	3 240 338 202
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		4 802 901 798	4 777 821 798	4 802 901 798	4 777 821 798
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.28	810 966 625 399	174 449 017 441	810 966 625 399	174 449 017 441
<i>Trong đó: Công ty con chuyển LN</i>			805 332 660 070	160 700 000 000	805 332 660 070	160 700 000 000
7 Chi phí tài chính	22	VI.29	71 550 000	12 898 767 048	71 550 000	12 898 767 048
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		71 550 000	12 898 767 048	71 550 000	12 898 767 048
8 Chi phí bán hàng	24					
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6 411 775 265	6 496 986 341	6 411 775 265	6 496 986 341
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+ (21-22)-(24+25)}	30		809 286 201 932	159 831 085 850	809 286 201 932	159 831 085 850
11 Thu nhập khác	31	VI.30	1 472 685 968	1 381 852 871	1 472 685 968	1 381 852 871
12 Chi phí khác	32	VI.31	507 847 403	494 899 278	507 847 403	494 899 278
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		964 838 565	886 953 593	964 838 565	886 953 593
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		810 251 040 497	160 718 039 443	810 251 040 497	160 718 039 443
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.32	53 814 770	- 1 610 546	53 814 770	- 1 610 546
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		810 197 225 727	160 719 649 989	810 197 225 727	160 719 649 989

Người lập biểu



Hoàng Thị Thanh Hương

Kế toán trưởng



Lý Thị Ngạn



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Tuấn Dương



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Từ ngày 01/1/2014 đến 31/3/2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2014 đến 31/3/2014	Từ ngày 01/01/2013 đến 31/3/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	810,251,040,497	160,718,039,443
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ (+)	02	4,723,680,306	4,954,875,339
- Các khoản dự phòng (+)	03		-
- (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(811,038,809,770)	(174,449,007,314)
- Chi phí lãi vay (+)	06	71,550,000	12,898,767,048
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4,007,461,033	4,122,674,516
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(14,674,660,335)	(4,326,033,963)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	1,091,568	228,859
- (Tăng)/Giảm các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	6,443,143,465	6,144,760,255
- (Tăng) giảm chi phí trả trước	12	478,984,684	1,008,737,782
- Tiền lãi vay đã trả (-)	13	(1,088,216,667)	(5,814,000,000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp (-)	14		-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh (+)	16		-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh (-)	17	(10,632,699,778)	(3,366,155,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(15,464,896,030)	(2,229,787,551)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(693,143,407)	-
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	80,000,000	-
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(40,000,000,000)	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		287,000,000,000
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(30,000,000,000)	(510,000,000,000)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	835,136,880,370	66,446,629,841
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	764,523,736,963	(156,553,370,159)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		50,000,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(100,000,000,000)	(4,500,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(31,738,550)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(100,000,000,000)	45,468,261,450
Tăng lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	649,058,840,933	(113,314,896,260)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	60,290,195,658	257,805,636,347
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		-
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	709,349,036,591	144,490,740,087

Người lập biểu

Hoàng Thị Thanh Hương

Kế toán trưởng

Lý Thị Ngạn



Lập ngày 18 tháng 4 năm 2014

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

H. YÊN MỸ - T. HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Tuấn Dương



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỪ 01/1/2014 ĐẾN 31/3/2014

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- 1- Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần
- 2- Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh
- 3- Ngành nghề kinh doanh:
 - Đầu tư tài chính; Đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng, kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị; Sản xuất hàng nội thất phục vụ văn phòng và gia đình, trường học;
 - Sản xuất các sản phẩm cơ khí; Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện;
 - Sản xuất kinh doanh các loại máy xâu đục và máy khai thác mỏ;
 - Sản xuất kinh doanh, lắp ráp, đặt, sửa chữa, bảo hành hàng điện, điện tử, điện lạnh, điều hòa;
 - Kinh doanh bất động sản; kinh doanh dịch vụ cho thuê nhà văn phòng, tài sản;
 - Dịch vụ vận tải và cho thuê phương tiện vận tải
 - Sản xuất và buôn bán kim loại màu các loại, phế liệu kim loại màu;
 - Buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện, cán thép; sản xuất cán kép thép, tôn lợp;
 - Khai thác quặng kim loại; mua bán kim loại, quặng kim loại, sắt thép phế liệu;
 - Luyện gang thép, đúc gang, sắt thép; sản xuất ống thép không mạ, ống inox;
 - Kinh doanh dịch vụ kho bãi;

II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1- Kỳ kế toán: Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12
- 2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VN đồng

III- CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1- Chế độ kế toán áp dụng:
Chế độ kế toán Doanh nghiệp theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006.
- 2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:
Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.
- 3- Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền
Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền Việt Nam Đồng là lấy tỉ giá bán ra của Ngân hàng ngoại thương tại thời điểm thực tế.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho;

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : Phương pháp đơn giá bình quân gia quyền.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : Kê khai thường xuyên.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (Hữu hình, vô hình, thuê tài chính): TSCĐ phản ánh theo nguyên giá, trong bảng Bảng cân đối kế toán phản ánh 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính): áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo chi phí phát sinh ban đầu (giá mua và chi phí liên quan đến quyền sở hữu bất động sản).
- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư: Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào công ty liên kết : được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi của quỹ dự trữ sau khi mua được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay; chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp và được ghi nhận là chi phí phát sinh trong năm.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

7- Nguyên tắc ghi nhận vốn hoá các khoản chi phí khác:

- *Chi phí trả trước*: Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.
- *Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại*. Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính không quá (10) năm.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng:

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- *Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu*: Được ghi nhận theo số vốn góp thực góp của chủ sở hữu.
- *Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá*: vào cuối năm tài chính Công ty đã đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.
- *Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối*: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của Doanh nghiệp sau khi trừ đi chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- *Doanh thu bán hàng*: được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
 - *Doanh thu cung cấp dịch vụ*; khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.
- Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính: Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại: Chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế; số chuyển lỗ chuyển vào năm hiện tại, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các chính sách ưu đãi được áp dụng tại đơn vị; Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập DN

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

	<i>31/3/2014</i>	<i>1/1/2014</i>
01- Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền mặt	86,323,491	58,657,989
- Tiền gửi ngân hàng	4,491,047,243	20,781,537,669
- Tiền đang chuyển		
- Các khoản tương đương tiền	<u>704,771,665,857</u>	<u>39,450,000,000</u>
	<u>709,349,036,591</u>	<u>60,290,195,658</u>

Bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31/3/2014 có số tiền bằng các đơn vị tiền tệ khác xấp xỉ 44 triệu VND (31/12/2013: 44 triệu VND)

	<i>31/3/2014</i>	<i>1/1/2014</i>
03- Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
- Lãi tiền gửi Ngân hàng, cho vay	3,780,619,447	120,645,834
- Phải thu cổ tức	94,994,693,510	123,000,000,000
- Phải thu khác	<u>292,516,376</u>	<u>267,079,500</u>
	<u>99,067,829,333</u>	<u>123,387,725,334</u>

	<i>31/3/2014</i>	<i>1/1/2014</i>
04- Hàng tồn kho		
- Hàng mua đang đi đường		
- Nguyên liệu, vật liệu		
- Công cụ, dụng cụ	29,919,347	31,010,915
- Hàng hoá	<u>404,106,757</u>	<u>404,106,757</u>
	<u>434,026,104</u>	<u>435,117,672</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

05- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước:	31/3/2014	1/1/2014
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp trước	10,040,215,129	10,094,029,899
- Thuế thu nhập cá nhân nộp trước		
- Thuế giá trị gia tăng		11,369,174
	<u>10,040,215,129</u>	<u>10,105,399,073</u>
07- Phải thu dài hạn khác	31/3/2014	1/1/2014
- Ký quỹ, ký cược dài hạn		
- Các khoản tiền nhận ủy thác		
- Phải thu dài hạn khác	448,979,590,000	448,979,590,000
	<u>448,979,590,000</u>	<u>448,979,590,000</u>



08- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình				
Số dư đầu quý	1,447,945,455	22,522,442,298	13,009,232,506	36,979,620,259
- Tăng trong kỳ			65,026,000	65,026,000
- Đầu tư XDCB hoàn thành				-
- Thanh lý, nhượng bán		(101,088,095)		(101,088,095)
- Giảm khác				-
- Chuyển sang BDS đầu tư				-
Số dư cuối quý	1,447,945,455	22,421,354,203	13,074,258,506	36,943,558,164
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu quý	397,402,933	17,524,369,178	8,317,097,915	26,238,870,026
- Khấu hao trong kỳ	56,931,624	838,302,754	435,170,606	1,330,404,984
- Thanh lý, nhượng bán		(93,272,466)		(93,272,466)
- Giảm khác				-
- Chuyển sang BDS đầu tư				-
Số dư cuối quý	454,334,557	18,269,399,466	8,752,268,521	27,476,002,544
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình				
Tại ngày đầu quý	1,050,542,522	4,998,073,120	4,692,134,591	10,740,750,233
Tại ngày cuối quý	993,610,898	4,151,954,737	4,321,989,985	9,467,555,620

- Nguyên giá TSCĐ HH đến hết ngày 31/3/2014 có các tài sản trị giá: 5.962 triệu vnd đã khấu hao hết (31/12/2013: 2.406 triệu vnd) nhưng vẫn còn được sử dụng

10- Tăng, giảm TSCĐ vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư đầu quý	28,755,408,500	2,355,088,140	31,110,496,640
- Mua trong quý			
- Chuyển sang từ chi phí xdcbdd			
- Biến động khác			
- Giảm khác			
- Phân loại lại			
Số dư cuối quý	28,755,408,500	2,355,088,140	31,110,496,640
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu quý	-	1,333,862,958	1,333,862,958
- Khấu hao trong quý		152,937,120	152,937,120
- Tăng khác			
- Thanh lý, nhượng bán			
- Giảm khác			
Số dư cuối quý	-	1,486,800,078	1,486,800,078
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
Tại ngày đầu quý	28,755,408,500	1,021,225,182	29,776,633,682
Tại ngày cuối quý	28,755,408,500	868,288,062	29,623,696,562

12- Tăng, giảm bất động sản đầu tư:	Nhà cửa	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/1/2014	259,227,056,200	259,227,056,200
Tăng trong kỳ		
Tại ngày 31/3/2014	259,227,056,200	259,227,056,200
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/1/2014	24,209,128,914	24,209,128,914
Khấu hao trong kỳ	3,240,338,202	3,240,338,202
Tại ngày 31/03/2014	27,449,467,116	27,449,467,116
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 1/1/2014	235,017,927,286	235,017,927,286
Tại ngày 31/03/2014	231,777,589,084	231,777,589,084
13- Đầu tư dài hạn khác:	31/03/2014	1/1/2014
- Đầu tư dài hạn khác	40,700,000,000	700,000,000
	40,700,000,000	700,000,000



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

14- Chi phí trả trước dài hạn

Nội dung	Công cụ và dụng cụ	Chi phí sửa chữa lớn	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	1,103,791,126	1,112,034,673	2,215,825,799
Tăng trong kỳ	77,698,225		77,698,225
Giảm khác			-
Chuyển từ TSCDHH			-
Phân bổ trong kỳ	(203,572,471)	(121,696,877)	(325,269,348)
Số dư cuối kỳ	977,916,880	990,337,796	1,968,254,676

15- Vay và nợ ngắn hạn	31/3/2014	1/1/2014
- Vay ngắn hạn		
- Nợ dài hạn đến hạn trả		100,000,000,000
	<u>0</u>	<u>100,000,000,000</u>
16- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/3/2014	1/1/2014
- Thuế giá trị gia tăng	26,572,574	
- Thuế xuất nhập khẩu		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế thu nhập cá nhân	69,059,229	62,793,357
- Khác		
	<u>95,631,803</u>	<u>62,793,357</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHẤT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613
Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/3/2014	1/1/2014
- Phải trả cổ tức	907,020,000	907,020,000
- Lãi vay phải trả		1,057,111,111
- Doanh thu chưa thực hiện	8,630,400,000	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	439,493,669	1,312,693,347
	<u>9,976,913,669</u>	<u>3,276,824,458</u>
20- Vay dài hạn	31/3/2014	1/1/2014
- Vay ngân hàng		
- Vay dài hạn khác		
	<u>0</u>	<u>0</u>
21- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31/3/2014	1/1/2014
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang		
Tổng tài sản thuế TN hoãn lại	<u>0</u>	<u>0</u>



22- Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Thặng dư vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ khác (Dự phòng TC)	Cộng
A	2	2	3	4	5
Số dư tại ngày 30/9/2013	4,190,525,330,000	2,207,350,817,068	1,060,128,826,609	86,611,964,000	7,544,616,937,677
Tăng vốn trong kỳ					-
Lợi nhuận trong kỳ			299,017,967,085		299,017,967,085
Tăng khác					-
Trích quỹ			(90,761,708,450)	64,829,791,750	(25,931,916,700)
Trả cổ tức bằng tiền mặt					-
Số dư tại ngày 31/12/2013	4,190,525,330,000	2,207,350,817,068	1,268,385,085,244	151,441,755,750	7,817,702,988,062
Tăng vốn trong năm nay					-
- Lãi trong kỳ			810,197,225,727		810,197,225,727
- Thù lao trả Ban kiểm soát			(50,000,000)		(50,000,000)
- Trích quỹ			(59,314,124,165)		(59,314,124,165)
Số dư tại ngày 31/3/2014	4,190,525,330,000	2,207,350,817,068	2,019,218,186,806	151,441,755,750	8,568,536,089,624



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA PHÁT

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0321 3942 883 / Fax 0321 3942 613

Email: hoaphatgroup@hoaphat.com.vn

	31/3/2014	1/1/2014
b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp của Nhà nước		
- Vốn góp của các đối tượng khác	4,190,525,330,000	4,190,525,330,000
Cộng	4,190,525,330,000	4,190,525,330,000
c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Từ 01/1/2014 đến 31/3/2014	Từ 01/10/2013 đến 31/12/2013
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4,190,525,330,000	4,190,525,330,000
+ Vốn góp đầu kỳ	4,190,525,330,000	4,190,525,330,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp giảm trong kỳ		
+ Vốn góp cuối kỳ	4,190,525,330,000	4,190,525,330,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
d- Cổ tức		
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán qu	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:		
d- Cổ phiếu	31/3/2014	1/1/2014
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	419,052,533	419,052,533
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	419,052,533	419,052,533
+ Cổ phiếu phổ thông	419,052,533	419,052,533
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	419,052,533	419,052,533
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10,000	10,000

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Quý 1/2014	Quý 1/2013
25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (mã số 01)		
- Doanh thu bán hàng	8,043,240,000	8,018,160,000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	<u>8,043,240,000</u>	<u>8,018,160,000</u>
26- Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)	Quý 1/2014	Quý 1/2013
- Thuế xuất khẩu	<u>0</u>	<u>0</u>
27- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	Quý 1/2014	Quý 1/2013
- Hàng hóa đã bán	3,240,338,202	3,240,338,202
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	<u>3,240,338,202</u>	<u>3,240,338,202</u>
28- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	Quý 1/2014	Quý 1/2013
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5,633,965,329	13,749,017,441
- Lợi nhuận công ty con, công ty liên kết	805,332,660,070	160,700,000,000
	<u>810,966,625,399</u>	<u>174,449,017,441</u>
29- Chi phí tài chính (Mã số 22)	Quý 1/2014	Quý 1/2013
- Lãi tiền vay	71,550,000	12,898,767,048
- Lỗ từ hoạt động đầu tư tài chính		
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Chi phí tài chính khác		
	<u>71,550,000</u>	<u>12,898,767,048</u>

	Quý 1/2014	Quý 1/2013
30- Thu Nhập khác		
Thu từ thanh lý TSCD	80,000,000	
Thu phí bảo lãnh		
Thu từ cho thuê xe	587,160,000	564,410,000
Thu nhập khác	805,525,968	817,442,871
	<u><u>1,472,685,968</u></u>	<u><u>1,381,852,871</u></u>
31- Chi phí khác		
Giá trị còn lại của TSCD đã thanh lý	7,815,629	
Giá trị khấu hao của TSCD cho thuê	500,031,774	493,961,778
Chi phí khác		937,500
	<u><u>507,847,403</u></u>	<u><u>494,899,278</u></u>

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- 1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:
- 2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
- 4 Thông tin về hoạt động liên tục:
- 5 Những thông tin khác(3):

Người lập biểu



Hoàng Thị Thanh Hương

Kế toán trưởng



Lý Thị Ngạn

Lập, ngày 18 tháng 4 năm 2014

Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

H. YÊN MỸ - T. HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Tuấn Dương